

Số: 486 /CBTT-TMD

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

V/v Công bố Báo cáo thường niên năm 2017

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội  
Trung tâm lưu ký chứng khoán**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
2. Mã chứng khoán: **MDC**
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
4. Điện thoại: 033.3868.271; 033.3868.272; Fax: 033.3868.276.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Trọng Cường
6. Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương-  
Vinacomin.

7. Địa chỉ Website đăng tải Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần than Mông Dương Vinacomin: **Mongduongcoal.com**

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, VP HĐQT.

**UQ. GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Lê Trọng Cường**

**Phụ lục số 04**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *476* /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày *19* tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**  
**NĂM 2017**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2016.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0 33) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0 33) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

**a) Quá trình hình thành**

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của



Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

### ***b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần***

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng (ngành nghề chính).
- Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:



- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;
- + Ban Kiểm soát: 03 thành viên;
- + Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);
- + Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc;
- + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
- + Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 15 Phòng ban, 01 Trạm y tế, 25 Phân xưởng đơn vị sản xuất.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

## **5. Định hướng phát triển của Công ty**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn: Trong năm 2017, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Áp dụng công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc >45 độ nhằm tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY.

+ Duy trì diện sản xuất ổn định cho máy com bai đào lò (AM-50Z) đối với gương lò than tiết diện lớn nhằm tăng sản lượng, tiến độ, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây chuyền và tăng năng suất lao động.

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250.

+ Nâng cao năng lực vận tải mỏ khu trung tâm mỏ Mông Dương.

+ Hoàn thiện dự án nâng cao năng lực thoát nước mỏ ứng phó điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan.

## **6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:**

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -250 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thẩm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -250 gây nguy cơ bục nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

### 1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua
(A)	(B)	(C)	1	2	3	(5=3/1)	(4=3/2)
1	Sản lượng						
1.1	Than sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	1,550	1,375	1,255	80.9	91.2
	+ Hàm lò		1,400	1,200	1,120	80.0	93.3
	+ Lộ thiên		150	175	135	89.9	77.0
1.2	Đất đá bốc xúc	10 <sup>3</sup> M3	2,102	1,489	942	44.8	63.2
1.3	Mét lò đào	m	18,700	16,000	15,717	84.0	98.2
1.4	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> tấn	1,519	1,350	1,236	81.4	91.6
2	Tổng doanh thu	Tr.đg	1,707,292	1,538,350	1,445,500	84.7	94.0
	Trg đó: DT than	Tr.đg	1,707,292	1,538,350	1,438,144	84.2	93.5
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	221,976	111,112	68,892	31.0	62.0
	- Xây lắp	Tr.đg	103,918	5,683	-5,533	-5.3	-97.4
	- Thiết bị	Tr.đg	102,309	96,443	70,958	69.4	73.6
	- Chi phí khác	Tr.đg	15,749	8,986	3,466	22.0	38.6
4	Lợi nhuận	Tr.đg	23,636	20,500	19,306	81.7	94.2
5	Cổ tức	%	6.0		4.0		

### 2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MDC		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Nguyễn Quế Thanh	Giám đốc		0	
2	Tạ Văn Bền	P.Giám đốc		0,041	
3	Vũ Tiến Quang	P.Giám đốc		0,005	
4	Bùi Văn Kiểm	P.Giám đốc		0,016	
5	Hoà Quang Trung	P.Giám đốc		0,016	
6	Hoàng Trọng Hiệp	P.Giám đốc		0,004	
7	Phạm Thị Hải	KT trưởng		0,015	



**b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:** Trong năm 2017, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành cụ thể như sau: (1) Ngày 03/4/2017 Bổ nhiệm ông Nguyễn Quế Thanh, người đại diện của TKV tham gia HĐQT làm Giám đốc Công ty thay thế vị trí ông Nguyễn Trọng Tốt do chuyển công tác; Tóm tắt lý lịch của Ban lãnh đạo điều hành đã được nêu tại các kỳ trước, bổ sung lý lịch ông Nguyễn Quế Thanh:

- **Họ và tên:** NGUYỄN QUẾ THANH ;
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** Ngày 19 tháng 8 năm 1968
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Số Căn cước CD:** 022068000994; Ngày cấp: 14/3/2017; do cục cảnh sát ĐKQL cư trú về DLQG về dân cư.
- **Địa chỉ thường trú:** Tổ 19C, Khu 6, Phường Quang Trung, TP Uông Bí , tỉnh Quảng Ninh
- **Điện thoại liên lạc:** 0913 269 011
- **Trình độ văn hoá:** 12/12
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Khai thác mỏ
- **Quá trình công tác:**

<b>Từ tháng, năm đến tháng, năm</b>	<b>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác</b>
Từ 4/1993-:-9/1994	Công nhân khai thác lộ thiên – Xí nghiệp thăm dò than II
Từ 10/1994-:- 3/1999	Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Mỏ than Yên Tử
Từ 4/1999-:- 7/1999	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Than Nam Mẫu
Từ 8/1999-:- 4/2002	Phó Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Than Nam Mẫu
Từ 5/2002-:- 2/2005	Trưởng Phòng Đầu tư – Xí nghiệp Than Nam Mẫu
Từ 3/2005-:- 2/2008	Trưởng Phòng Đầu tư – Công ty Than Uông Bí
Từ 3/2008-:-2/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Uông Bí - Vinacomin
Từ 3/2012-:- 3/2014	Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Hồng thái; Bí thư Đảng uỷ Công ty
Từ 4/2014-:- 3/2017	Giám đốc - Công ty Than Hồng Thái – TKV; Phó Bí thư Đảng uỷ Công ty
Từ ngày 03/4/2017	Giám đốc điều hành Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.

- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc điều hành Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.
- Chức vụ công tác ở Công ty khác: Ủy viên Hội đồng quản trị

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (chiếm 0 %)
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0 %)
  - Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (chiếm 0 %)
- Sở hữu của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không
- Sở hữu của những người có liên quan:

TT	Họ tên	Địa chỉ	S.lượng CP nắm giữ
Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Hương Lê	Quang Trung Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Anh ruột	Nguyễn Văn Hiến	Nghỉ hưu- tại Khu 6 Quang Trung Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Em ruột	Nguyễn Thị Lan Hương	CNV Phòng KH Công ty Than Ưông Bí. Khu 6 Quang Trung Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Em ruột	Nguyễn Anh Tùng	CNV Phòng Bảo vệ Công ty Than Ưông Bí. Quang Trung Ưông Bí QN	Không
Vợ	Nguyễn Thúy Hà	CNV Phòng TCLĐ Cty than Hồng Thái TKV Khu 6 Quang Trung Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Con	Nguyễn Thúy Quyên	Sinh viên trường ĐH mỏ địa chất Hà Nội	Không
Con	Nguyễn Tiến Thành	Học sinh Khu 6 Quang Trung Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Bố vợ	Nguyễn Hồng Sâm	Nghỉ hưu tại Thanh Sơn Ưông Bí Q.Ninh	Không
Mẹ vợ	Vũ Thị Nhã	Nghỉ hưu tại Thanh Sơn Ưông Bí QNinh	Không
Em vợ	Nguyễn Thị Kim Hoa	CNV - Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển . Thanh Sơn Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Em vợ	Nguyễn Ngọc Dũng	CNV - Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển. Thanh Sơn Ưông Bí Quảng Ninh	Không
Em vợ	Nguyễn Sỹ Hùng	Công nhân, Công ty Than Nam Mẫu- TKV Thanh Sơn Ưông Bí Quảng Ninh	Không

- Các khoản nợ và các khoản lợi ích khác đối với Công ty: Không.

c) **Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2017: 3.486 người.

**d) Chính sách đối với người lao động**

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 10.672.000 đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...



- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2017 (điều chỉnh) được TKV thông qua tại văn bản số 5092/TKV-ĐT ngày 03/10/2017, Công ty thực hiện:

- Chuyển tiếp 03 dự án gồm: (i) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương-Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh); (ii) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân; (iii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016;

- Khởi công mới 03 dự án gồm: (i) Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017; (iii) Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò.

- Chuẩn bị 02 dự án gồm: (i) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương; (ii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2018.

Tình hình thực hiện cụ thể các dự án như sau:

#### **(i) Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh):**

Mục tiêu đầu tư nhằm duy trì sản lượng khai thác than mỏ than Mông Dương theo Quy hoạch phát phát triển ngành Than Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng mức đầu tư dự án 1.192.725 triệu đồng. Dự án còn 02 hạng mục Nhà ĐHSX công trường số 2; Hệ thống cấp nước trong lò (cấp nước cứu hoả), hiện tại 02 hạng mục trên đã được Bộ Công thương thẩm định thông qua tháng 9/2017, Bộ tài nguyên và Môi trường duyệt ĐTM và CPM (điều chỉnh) tháng 12/2017 hiện Công ty đang triển khai thực hiện trong hoàn thành trong năm 2018 để quyết toán dự án.

#### **(ii) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:**

Mục tiêu đầu tư là phục vụ nhu cầu nhà ở tập thể cho công nhân (hộ độc thân và tái định cư cho những gia đình công nhân cán bộ hiện đang sinh sống trong khu này) của Công ty. Tổng mức đầu tư dự án 267.368 triệu đồng được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn I xây dựng lô C2 với tổng mức đầu tư 69.804 triệu đồng thời gian thực hiện năm 2013-2014, giai đoạn II xây dựng lô C1, C3 thời gian thực hiện năm 2015-2016.



Trong năm 2017 Công ty xây dựng hoàn thành lô nhà C2 và công trình phụ trợ ngoài nhà, đến tháng 6/2017 đã bố trí cho công nhân vào ở. Qua kết quả khảo sát thực tế nhu cầu về nhà ở của công nhân được Công ty thực hiện trong tháng 7/2017, nhu cầu về nhà ở giảm nhiều, với số lượng căn hộ còn trống hiện nay tại lô nhà C2 là đáp ứng đủ cho công nhân không cần xây thêm lô nhà C1, C3. Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu nhà ở ngày 31/8/2017 Công ty đã có báo cáo Tập đoàn tại văn bản số 1463/BC-TMD V/v xin chủ trương điều chỉnh dự án khu nhà ở công nhân không xây dựng thêm lô nhà C1 và C3 để phù hợp với nhu cầu nhà ở thực tế tại Công ty hiện nay, Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh dự án trình duyệt.

**(iii) Dự án Đầu tư thiết bị DTSX năm 2016:**

Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2016 và các năm tiếp theo. Trong năm 2017 Công ty thực hiện thanh toán một số thiết bị đã thực hiện trong năm 2016 đồng thời điều chỉnh dự án và quyết toán dự án hoàn thành.

**(iv) Dự án Đầu tư bổ sung công trình thoát nước hầm lò phù hợp với điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan mỏ than Mông Dương:**

Mục tiêu đầu tư dự án để ứng cứu sự cố trong điều kiện khí hậu biến đổi cực đoan xảy ra có mưa lớn kéo dài dẫn đến lưu lượng nước chảy vào hầm lò tăng đột biến gây ngập mỏ. Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-TMD ngày 03/10/2017 với tổng mức đầu tư của dự án 103.146 Tr.đồng.

Trong tháng 11/2017 Công ty đã lựa chọn được nhà thầu thực hiện lập TKBVTC-DT của dự án đồng thời đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thiết bị máy phát điện, khởi động mềm... triển khai tiếp trong năm 2018.

**(v) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017:**

Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2017 và các năm tiếp theo. Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 4324/TKV-ĐT ngày 12/9/2017, Công ty phê duyệt tại văn bản số 3444/TKV-ĐT ngày 21/7/2017, Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1543/QĐ-TMD ngày 27/7/2017 với tổng mức đầu tư là 66.955 Tr.đồng. Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện được 40.313 triệu đồng, khối lượng còn lại chuyển tiếp năm 2018 gồm 2 hạng mục thiết bị giàn mềm ZRY, thiết bị an toàn đồng thời kiểm toán dự án hoàn thành.

**(vi) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Mông Dương:**



Mục tiêu đầu tư dự án để tận thu triệt để trữ lượng tài nguyên có trong ranh giới khai thác. Trong năm 2017 đơn vị tư vấn đã thực hiện lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án, hiện nay Công ty đang thẩm định để hoàn thiện sau đó sẽ phê duyệt để thực hiện.

**(vii) BCKTKT đầu tư hệ thống rửa mũi cho công nhân hầm lò**

Mục tiêu đầu tư việc trang bị hệ thống rửa mũi nhằm giảm thiểu bệnh nghề nghiệp do nhiễm bụi than để nâng cao sức khỏe cho công nhân hầm lò. Hiện tại BCKTKT đang được đơn vị tư vấn lập, dự kiến quý I năm 2018 sẽ thực hiện thi công.

**(viii) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2018.**

Mục tiêu đầu tư dự án, tiếp tục đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2018 và các năm tiếp theo. Hiện tại Công ty đang lựa chọn nhà thầu lập dự án.

**- Tình hình thực hiện kế hoạch.**

Theo kế hoạch điều chỉnh của Công ty được TKV thông qua tại văn bản số 5092/TKV-ĐT ngày 30/10/2017 với tổng giá trị 111.112 triệu đồng, trong đó Công ty dự kiến thực hiện đến thời điểm 31/12/2017 được 87.541 triệu đồng, đạt 78,8% kế hoạch.

Trong kế hoạch năm 2017 có Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2017 hiện đang thực hiện tiếp trong năm 2018 theo thời gian thực hiện của dự án.

**b) Các công ty con, công ty liên kết:** Không.

**4. Tình hình tài chính:**

**a) Tình hình tài chính năm 2017**

CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ		% Tăng giảm (3=1/2)
	NĂM NAY 2017(1)	NĂM TRƯỚC 2016 (2)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,444,346,612,605	1,590,547,542,010	90.81
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ( 10 = 01-02 )	1,444,346,612,605	1,590,547,542,010	90.81
4. Giá vốn hàng bán	1,228,557,989,853	1,353,920,232,737	90.74
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	215,788,622,752	236,627,309,273	91.19
6. Doanh thu hoạt động tài chính	598,270,886	584,536,753	102.35



7. Chi phí tài chính	58,469,907,361	48,784,245,425	119.85
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>61,828,196,331</i>	<i>43,286,020,164</i>	<i>142.84</i>
8. Chi phí bán hàng	14,123,957,528	16,722,250,940	84.46
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	122,704,507,828	141,338,347,545	86.82
10. Lợi nhuận thuần từ hđkd{30=20+(21-22)-(25+26)}	21,088,520,921	30,367,002,116	69.45
11. Thu nhập khác	555,496,709	1,411,807,526	39.35
12. Chi phí khác	2,338,340,968	3,001,585,703	77.90
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32 )	(1,782,844,259)	(1,589,778,177)	112.14
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	19,305,676,662	28,777,223,939	67.09
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7,998,240,335	6,706,175,528	119.27
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	11,307,436,327	22,071,048,411	51.23
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	528	726	72.73
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)			

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.688	0.694	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0.630	0.639	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.815	0.821	
- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	4.392	4.599	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	40.445	40.152	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1.205	1.094	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0.014	0.008	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0.093	0.049	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.017	0.009	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0.018	0.013	

c) *Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>1</b>	<b>Thuế</b>	<b>256,906,661,949</b>	<b>280,547,376,740</b>
-	Thuế giá trị gia tăng	108,071,974,399	96,476,353,052
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,160,138,137	7,242,820,514
-	Thuế thu nhập cá nhân	103,733,169	2,159,577,033
-	Thuế tài nguyên	142,184,555,969	169,388,930,624
-	Thuế đất và tiền thuê đất	3,201,164,153	5,247,572,917
-	Các loại thuế khác	185,096,122	32,122,600
<b>2</b>	<b>Các loại phí và lệ phí</b>	<b>212,957,232,482</b>	<b>131,037,747,000</b>
-	Phí bảo vệ môi trường	13,171,379,500	14,355,219,000
-	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	199,785,852,982	116,682,528,000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>469,863,894,431</b>	<b>411,585,123,740</b>

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>A</b>	<b>Cơ cấu cổ đông</b>	<b>21.418.346</b>	<b>100%</b>	<b>21</b>	<b>2.074</b>
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	11.571.854	54,03%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	479.734	2,239%		1
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	5.727.489	26,74%	19	2.073
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>1.689.907</i>	<i>7,89%</i>		<i>968</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
<b>B</b>	<b>Trong đó:</b>				
1	Vốn Nhà nước	11.571.854	54,03%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.815.690	17,81%	3	10



**\* Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 11.571.854 cổ phần, chiếm 54,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2017 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** (Không có)

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 29.245.612 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 18.356 lít dầu diesel và 1.022,5 tấn than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 998.000 kw/h

**6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:**

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính: (i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ; (ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2017 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ cung cấp cho các nhu cầu như: Tắm giặt, các khu vệ sinh, phun sương dập bụi... là: 1.010.000 m<sup>3</sup>;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 40.954 m<sup>3</sup>.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 5.588.153 m<sup>3</sup>; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2017: 14,049 tỷ đồng.

#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3.486 người. Mức lương bình quân năm 2017: 10.672.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung xem xét, đầu tư cơ giới hóa tối đa hệ thống vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gầu gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng từ 1.000 mét; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển.... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động VHVN khác.

- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động: Duy trì phục vụ ăn uống đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho công nhân, thường xuyên cải tiến khâu phục vụ ăn uống, đặc biệt ca 3; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Năm 2017 đã khám bệnh nghề nghiệp cho 6.157 lượt người (Trong đó: Người làm việc trong hầm lò, làm việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và lao động nữ khám 02 lần); Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 38 người; Thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: Giải quyết cho 86 người nghỉ chế độ hưu trí, 275 người đi điều dưỡng, 3.258 người đi thăm quan nghỉ dưỡng sức.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Trong năm 2017 cũng như các năm tiếp theo, để hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đòi hỏi Công ty phải có một đội ngũ lao động lành nghề. Do đó công tác chuẩn bị nguồn nhân lực và đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ lao động được Công ty hết sức quan tâm.

- Tuyển học sinh khai thác hầm lò, cơ điện lò gửi đi đào tạo theo Quy chế 2441 của TKV: Công ty đã áp dụng nhiều hình thức như thông qua CBCNV



trong Công ty, thường xuyên phối hợp với trường Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản để tuyển sinh nhưng chưa đạt được yêu cầu kế hoạch đề ra (Năm 2017 tuyển được 145/250 HS).

- Huấn luyện AT theo nghị định 44 của Chính phủ: Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản, Trung tâm huấn luyện ATLĐ tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Kiểm định AT 1 huấn luyện cho 947 lao động (674 lao động nhóm 3; 255 lao động nhóm 6 và 18 lao động nhóm 5) đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Đánh giá kỹ năng nghề: Thực hiện Điều 31 và Điều 35 Luật việc làm; Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2017 phòng đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho 553 công nhân nghề khai thác, đào lò và Cơ điện mỏ hầm lò.

- Trong năm 2017 tổ chức huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 562 CBCNV, bồi dưỡng cán bộ CHSX 99 người; huấn luyện kiêm nghề, thêm nghề cho 116 người và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 299 người; huấn luyện công nhân mới tuyển 181 người.

- Tổ chức tham gia các Hội thi của Tập đoàn: Chủ trì tổ chức hội thi thợ giỏi cấp Tập đoàn đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, TGM tổ chức thi cấp cứu mỏ bán chuyên đạt giải nhất toàn Tập đoàn; Phối hợp với phòng AT, Công đoàn Công ty tổ chức thi ATVSV đạt giải khuyến khích toàn Tập đoàn.

#### ***6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:***

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quần góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2017 Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2017 có nhiều khó khăn cho Ngành than, thị trường tiêu thụ than nhiều biến động, tác động bất lợi cho Tập đoàn 06 tháng cuối năm 2017, do điều kiện thời tiết mưa, lũ nhiều nên các nhà máy nhiệt điện đều giảm công suất làm cho sản lượng than tiêu thụ cho điện giảm 07 triệu tấn so với KH đầu năm, ảnh hưởng tới cân đối tài chính và việc làm người lao động; một số thuế, phí tăng.

Đối với Công ty: Sản lượng than khai thác hầm lò 100% ở dưới mức -100, các điều kiện kỹ thuật mở ngày càng khó khăn, phức tạp. Các chỉ tiêu chính cụ thể sau: (i) Sản xuất than nguyên khai: Thực hiện 1.255.000 tấn/ Kế hoạch 1.375.000 tấn đạt 97,9%; (ii) Đào lò mới: Thực hiện 15.717 m/ 16.000 m Kế hoạch đạt 91,2%; (iii) Tiêu thụ than: 1.236.000/KH:1.350.000 tấn đạt 91,6%; (v) Doanh thu: Thực hiện 1.445.500/ kế hoạch 1.538.350 triệu đồng bằng 94,0 %; (vi) Lợi nhuận: Thực hiện 19.306/ Kế hoạch 20.500 tỷ đạt 81,7%; Đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức của các cổ đông.

#### 2. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài sản năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1,319,827,194,690	1,320,500,918,702
1.1	Tài sản ngắn hạn	382,353,470,846	371,461,747,286
1.2	Tài sản dài hạn	937,473,723,844	949,039,171,416
	Trong đó: TSCĐ HH	537,095,773,382	565,952,044,052
2	Doanh thu thuần	1,590,547,542,010	1,444,346,612,605
3	Lợi nhuận trước thuế	28,777,223,939	19,305,676,662
4	Lợi nhuận sau thuế	22,071,048,411	11,307,436,327

Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất và dự án khắc phục sự cố ngập mỏ với tổng mức đầu tư là: 68.892 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là: 161.273 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 8.165 triệu đồng, nguyên nhân do một số thiết bị đầu tư mua sắm thực hiện vào cuối Quý IV nên công tác vận hành chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng đều sau ngày 31/12/2017.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 15.718 triệu đồng. (tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật)

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2017 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 2,55 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, chứng tỏ việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).



- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

**b) Tình hình nợ phải trả:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	556,075,771,896	535,425,804,330	96.29
1	Vay và nợ ngắn hạn	254,433,548,033	278,920,278,127	109.62
2	Phải trả người bán	160,652,579,946	181,740,275,877	113.13
B	Nợ dài hạn	518,969,246,650	549,228,152,081	105.83
1	Vay và nợ dài hạn	518,969,246,650	549,228,152,081	105.83
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	1,075,045,018,546	1,084,653,956,411	100.89

Tổng các khoản nợ phải trả tăng so với đầu kỳ là: 9.609 triệu đồng, tương ứng tăng 0,89%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Về cơ bản các khoản nợ phải trả tăng, trong đó khoản nợ ngắn giảm 20.650 triệu đồng, tương ứng giảm 3,71 %, nợ dài hạn tăng 30.259 triệu đồng, tương ứng tăng 5,83%. Nguyên nhân chủ yếu năm 2017 công tác thanh toán các khoản: Công nợ, tiền lương, gốc vay, thuế gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Thực hiện Chỉ thị số 102/CTLT/TGD-CĐTKV, ngày 25/5/2017 giữa Tổng Giám đốc với Công đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động năm 2017. Ban Giám đốc Công ty thường xuyên chỉ đạo rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động cho khai thác và đào lò, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ, cụ thể: (i) Giải thể Đội thống kê và cơ cấu lại tổ chức SX của Phòng KT, Phòng KCS và CT LT; (ii) Giải tán Ban quản lý nhà ở công nhân trực thuộc phòng ĐTM và điều chuyển nhiệm vụ quản lý khu nhà ở về VP quản lý (tiết giảm 01 Phó Ban và 01 Nhân viên); (iii) Cơ cấu lại tổ chức P ĐTM, điều chuyển nhiệm vụ đền bù, giải phóng mặt bằng về



phòng TĐ theo đúng Mô hình mẫu của Tập đoàn (tiết giảm 02 Nhân viên); (iv) Cơ cấu lại tổ chức phòng TĐ (tiết giảm 01 Phó phòng phụ trách Trắc địa); (v) Cơ cấu lại tổ chức phòng KCS và phòng Vật tư bố trí lại lao động phù hợp giảm lao động quản lý (Phòng KCS bố trí lại công việc 05 nhân viên làm công nhân giao nhận than; Phòng VT bố trí lại công việc 05 nhân viên, 01 Đội phó làm công nhân tiếp liệu); (vi) Cơ cấu lại tổ chức SX của PX CBT từ mô hình 05 Phó Quản đốc giảm xuống còn 04 Phó quản đốc; (vii) Giải tán PX Xây dựng mặt bằng, cơ cấu lại tổ chức SX của PX PVSX, PX CK, PX NL (tiết giảm 01 Quản đốc).

Đến hết năm 2017 cơ cấu tổ chức của Công ty đã sắp xếp đúng theo mô hình mẫu của Tập đoàn (15 phòng, 25 PX và 01 Trạm Y tế). Các phòng ban, PX đã được sắp xếp khoa học và tối ưu hơn trước, nhiệm vụ được phân định rõ ràng không bị chồng chéo giúp các phòng chủ động và phát huy được năng lực quản lý điều hành.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

#### **5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).**

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

##### **a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:**

Năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo kang trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp



mỏ, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

**b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công cho Công nhân:

- Về công nghệ khai thác: Hiện nay 100 % lò chọ chống giữ bằng giá khung, giá thủy lực di động, giàn thủy lực mềm... không còn lò chọ chống gỗ, thủy lực đơn.

- Về đào chống lò: Công ty đã đầu tư máy khoan 2 cần, khoan tamroks và dây chuyền bóc xúc đất đá bằng các loại máy xúc lật hông, kết hợp goòng 3 tấn tàu điện AM 8Ä; Duy trì dây chuyền đào lò bằng máy combai AM-50Z đối với những gương lò có điều kiện địa chất cho phép; Chống lò bằng vì neo.

- Về vận tải: Đầu tư hệ thống dây chuyền vận tải trên các tuyến lò nghiêng điều kiện hợp lý lắp đặt băng tải vận chuyển đất đá, than; đường lò bằng dải hệ thống tàu điện AM 8Ä và goòng 3 tấn vận chuyển vật liệu, đất đá, than; đầu tư hệ thống Camera theo dõi ở các tuyến trục chính và các vị trí sản xuất; đầu tư hệ thống máy nạo vét than, đất đá dính goòng 3 tấn tại các mức trong hầm lò; Trang bị đầy đủ hệ thống mono ray, tời thuyền chở vật liệu đến tận gương lò giảm thiểu công tác vận chuyển thủ công; quy hoạch diện sản xuất cho các đơn vị phù hợp giảm thiểu tối đa số lần chuyển điện trong năm.

- Các giải pháp về vận chuyển người từ cửa lò đến gần gương lò: Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ tuyến đi lại và làm việc trong hầm lò, trang bị các thiết bị máy móc giảm bớt sức lao động và an toàn trong quá trình sản xuất:

- Duy trì 04 hệ thống tời chở người ở các tuyến lò nghiêng phục vụ công tác đi lại cho CBCN, duy trì việc vận chuyển người trong các tuyến lò bằng ở các mức bằng hệ thống tàu điện AM 8Ä và toa xe chuyên dùng.

- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại mặt bằng sân công nghiệp và các vị trí sản xuất trong hầm lò có hàm lượng bụi cao.

- Công ty đã đầu tư hệ thống cảnh báo khí mêtan tự động của Balan với 02 tủ KSP-2C được kết nối với 50 đầu đo khí CH<sub>4</sub>, 18 đầu đo khí CO, 16 đầu đo gió tại các vị trí quan trọng, 03 đầu đo hạ áp, 05 đầu đo H<sub>2</sub> và duy trì hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động ổn định.

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào thêm nghề cho một số đối tượng đáp ứng được yêu cầu SXKD và nguyện vọng của cá nhân.

- Công tác tuyển lao động để đưa đi đào tạo nghề: Năm qua Công ty đã phối kết hợp với các trường để tuyển dụng lao động, chủ động liên hệ với các địa phương vùng cao, vùng có khó khăn về kinh tế, việc làm trong Tỉnh để tuyển lao động đi đào tạo thợ lò. Tuy nhiên kế quả chưa đạt được kế hoạch đã đặt ra.



**c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

Trong năm 2017, Công ty đã chi giúp địa phương, các đơn vị, các gia đình khó khăn trên địa bàn và các hoạt động khác cụ thể như : Thăm hỏi động viên các gia đình có hoàn cảnh khó khăn : 99 người tương ứng với : 407.100.000đ; Ủng hộ quỹ từ thiện và hỗ trợ địa phương : 25 lần tương ứng với : 91.900.000đ; Thăm hỏi, thăm viếng trong công ty : 921 người tương ứng với : 869.800.000đ; Thăm hỏi, thăm viếng ngoài công ty : 20 người tương ứng với : 68.500.000đ; Thăm quan học tập kinh nghiệm, tập huấn an toàn, điều dưỡng, PHCN : 4.566 người. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Năm 2017 có nhiều khó khăn cho Ngành than, thị trường tiêu thụ than nhiều biến động, tác động bất lợi cho Tập đoàn 06 tháng cuối năm 2017, do điều kiện thời tiết mưa, lũ nhiều nên các nhà máy nhiệt điện đều giảm công suất làm cho sản lượng than tiêu thụ cho điện giảm 07 triệu tấn so với KH đầu năm, ảnh hưởng tới cân đối tài chính và việc làm người lao động; một số thuế, phí tăng. Tuy nhiên Công ty đã có các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý, quyết liệt nâng cao chất lượng than, vì vậy các chỉ tiêu SXKD cơ bản xấp xỉ đạt được theo KH.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho



người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và duy trì phát triển Công ty ổn định.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	(03/4-:- 31/12)/2017
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành		0	(03/4-:- 31/12)/2017
3	Bùi Văn Kiểm	Ủy viên	Điều hành		0,016	(01/01-:- 31/12)/2017
4	Phạm Thị Hải	Ủy viên	Điều hành		0,015	(01/01-:- 31/12)/2017
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	(01/01-:- 31/12)/2017

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông: Phạm Công Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty CP than Mông Dương- Vinacomin; Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin và Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2017 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự, Các Ủy viên HĐQT thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 02 kèm theo):

- Ban hành, sửa đổi bổ sung hoàn thiện 05 (năm) Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho



phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

**d) Hoạt động của uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành (Độc lập)**

Trong năm 2017, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát :** Trong năm 2017, Ban Kiểm soát Công ty không có sự thay đổi về nhân sự, Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Xuân Bách	Trưởng Ban		0	01/01/2017-:- 31/12/2017
2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,009%	01/01/2017-:- 31/12/2017
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	01/01/2017-:- 31/12/2017

**b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:** Trong năm 2017 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cẩn trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.





- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

\* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 với tổng số tiền là: 386.400.000 đồng;

\* Lương, thưởng của ban Giám đốc: Ban giám đốc Công ty có 08 thành viên. Trong năm 2017. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.244.919.403 đồng

\* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2017 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2017	Thu nhập từ thù lao năm 2017	Cộng tổng số
1. Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT		48.600.000	
1.1. Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT		16.200.000	
2. VaDym D'omin	Ủy viên HĐQT		55.200.000	
3. Nguyễn Xuân Bách	TB Kiểm soát	279.122.388		
4. Dương Hải Yến	TV BKS		50.400.000	
5. Nguyễn Thế Hanh	TV BKS		50.400.000	
6. Nguyễn Trọng Tốt	UV HĐQT-G.ĐỐC	78.695.522	13.800.000	
6.1. Nguyễn Quế Thanh	UV HĐQT-G.ĐỐC	236.247.761	41.400.000	
7. Tạ Văn Bền	P. GIÁM ĐỐC	279.122.388		
8. Vũ Tiến Quang	P. GIÁM ĐỐC	279.122.388		
9. Hòa Quang Trung	P. GIÁM ĐỐC	279.122.388		
10. Bùi Văn Kiểm	UV HĐQT- PGĐ	279.122.388	55.200.000	
11. Hoàng Trọng Hiệp	P. GIÁM ĐỐC	279.122.388		

12. Phạm Thị Hải	UV HĐQT- KTT	255.241.791	55.200.000	
------------------	--------------	-------------	------------	--

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2017 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**1. Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 11/2018/BCKT- PKF.VPC ngày 21 tháng 2 năm 2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: [mongduongcoal.vn](http://mongduongcoal.vn)

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Công Hương**